

**Phụ lục I**  
**GIAO BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**  
**HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số            /QĐ-UBND ngày    /    /2026 của UBND tỉnh)

| STT | Đơn vị                                                         | Biên chế     |
|-----|----------------------------------------------------------------|--------------|
|     | <b>Tổng cộng</b>                                               | <b>2.357</b> |
| 1   | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh                               | 76           |
| 1.1 | Khối đại biểu dân cử (Đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND tỉnh) | 20           |
| 1.2 | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh                               | 56           |
| 2   | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh                                 | 113          |
| 3   | Thanh tra tỉnh                                                 | 182          |
| 4   | Sở Tài chính                                                   | 169          |
| 5   | Sở Nông nghiệp và Môi trường                                   | 771          |
| 6   | Sở Khoa học và Công nghệ                                       | 92           |
| 7   | Sở Nội vụ                                                      | 123          |
| 8   | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                                | 88           |
| 9   | Sở Giáo dục và Đào tạo                                         | 82           |
| 10  | Sở Y tế                                                        | 118          |
| 11  | Sở Công Thương                                                 | 210          |
| 12  | Sở Xây dựng                                                    | 127          |
| 13  | Sở Tư pháp                                                     | 56           |
| 14  | Sở Ngoại vụ                                                    | 28           |
| 15  | Sở Dân tộc và Tôn giáo                                         | 50           |
| 16  | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh                                   | 63           |
| 17  | Biên chế dự phòng (thu được do sắp xếp, bộ máy cấp tỉnh)       | 9            |